

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH QU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HSST
Ngày: 31 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH QU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị LPhương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Quốc Phòng và ông Đỗ Ngọc Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: bà Hoàng Thị Bích Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2024/HSST ngày 17/4/2024, theo Qu định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HS ngày 16/5/2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Qu, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1986; tại B, Qu; nơi cư trú: thôn 1, xã X, huyện B, tỉnh Qu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn phổ thông: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Kh; có vợ là Hoàng Thị Hồng L và 03 con, đứa lớn sinh năm 2013, đứa nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/12/2023 đến ngày 12/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Nguyễn Văn C, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1984; tại B, Qu; nơi cư trú: thôn 1, xã X, huyện B, tỉnh Qu; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Kh; có vợ là Lê Thị H và 02 con, đứa lớn sinh năm 2007, đứa nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Nguyễn Văn H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1989; tại B, Qu; nơi cư trú: thôn 1, xã X, huyện B, tỉnh Qu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Kh; có vợ là Hồ Thị Hồng Qu và 03 con,

đứa lớn sinh năm 2013, đứa nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1980; tại B, Qu; nơi cư trú: thôn 1, xã X, huyện B, tỉnh Qu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị H và 03 con, đứa lớn sinh năm 2008, đứa nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, bị cáo có mặt tại phiên toà.

5. Trần Hoàng N, sinh ngày 03 tháng 4 năm 1994; tại B, Qu; nơi cư trú: thôn 1, xã X, huyện B, tỉnh Qu; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn phổ thông: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Tr và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Trần Thị D và 02 con, đứa lớn sinh năm 2015, đứa nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, bị cáo có mặt tại phiên toà.

6. Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1985; tại B, Qu; nơi cư trú: thôn 1, xã X, huyện B, tỉnh Qu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Mai Thị G và 03 con, đứa lớn sinh năm 2012, đứa nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, bị cáo có mặt tại phiên toà.

7. Nguyễn Quang H, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1999; tại B, Qu; nơi cư trú: thôn 3, xã X, huyện B, tỉnh Qu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Lê Thị Vân A và 02 con, đứa lớn sinh năm 2021, đứa nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/12/2023 đến ngày 15/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Bị hại:

Chị Nguyễn Thị Tuyết A, sinh năm 1978; Nơi cư trú: thôn Tr, xã Vạn Tr, huyện B, tỉnh Qu, vắng mặt.

Anh Nguyễn Hải L, sinh năm 1979; Nơi cư trú: thôn Tr, xã Vạn Tr, huyện B, tỉnh Qu, vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Qu, vắng mặt.

Anh Trần Văn Tr, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn 1, xã X, huyện B, tỉnh Qu, có mặt.

Anh Lê Văn Th, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn 1 Phúc Đ, xã Ph, huyện B, tỉnh Qu, vắng mặt.

Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1958; nơi cư trú: thôn 1, xã X, huyện B, tỉnh Qu, có mặt.

Ông Hồ Minh H, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Qu, có mặt.

Ông Nguyễn Th, sinh năm 1965; nơi cư trú: thôn 1, xã X, huyện B, tỉnh Qu, vắng mặt.

- Người làm chứng: Chị Lê Thị Vân A, sinh năm 2002; nơi cư trú: thôn 3, xã X, huyện B, tỉnh Qu, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 29/08/2023, Nguyễn Văn Qu rủ Nguyễn Ngọc Th, đi trộm cây keo ở khu vực giáp rừng Chà Nòi thuộc xã X, huyện B, bán lấy tiền tiêu xài. Th đồng ý rồi rủ thêm Nguyễn Ngọc S đi trộm cùng. Qu điều khiển xe mô tô mang theo 01 máy cưa cầm tay nhãn hiệu STIHIL MS381 chở Th đến khu vực cây keo tại lô H1, khoảnh 6, tiểu khu 238 thuộc xã X, huyện B của bà Nguyễn Thị Tuyết Anh cưa trộm cây keo; trong lúc đang cưa thì Nguyễn Ngọc S đến làm cùng. Khoảng 15 phút sau Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C, Trần Hoàng N và Nguyễn Quang H đến xin Qu và Th trộm keo cùng. Cả nhóm thống nhất trộm được bao nhiêu keo thì bán chia đều nhau. Tại đây, Qu và Th thay nhau sử dụng 01 máy cưa cầm tay chạy bằng xăng cưa cây keo, còn S, H, C, Nam, H chặt tỉa cành, bóc vỏ, chuyển những thân cây keo tập kết lại một chỗ. Trong lúc cả nhóm đang làm, H về nhà điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Thaco, biển kiểm soát 73C-126.99 đến. Khi cả nhóm bóc keo lên đầy xe, H điều khiển xe cùng với Nam chở keo về nhà cất giấu. Đến 01 giờ 40 phút ngày 30/08/2023, Nam về nhà điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu Thaco, biển kiểm soát 73C-117.90 chở theo H đến nơi trộm cây keo, cả nhóm tiếp tục chuyển keo lên xe ô tô của Nam. Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 30/08/2023, H và Nam điều khiển 02 xe ô tô chở theo số cây keo đã trộm được đến trạm cân Nghĩa Lan bán cho bà Nguyễn Thị L với giá 900.000đồng/tấn. Khối lượng cây keo cân được trên xe của H là 6,910 tấn, trên xe của Nam là 5,390 tấn. Tổng số tiền bán keo là 11.070.000 đồng. Số tiền trên chia đều cho Th, Qu, C, H, S mỗi người 1.000.000 đồng, H và Nam mỗi người 1.600.000 đồng. Số tiền 2.870.000 đồng còn lại cả nhóm ăn nhập.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 12,3 tấn keo (đã bóc vỏ) trị giá 12.300.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ và xử lý trả lại 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Thaco, biển kiểm soát 73C-126.99 cho chủ sở hữu là ông Lê Văn Thanh; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Thaco, biển kiểm soát 73C-117.90 cho chủ sở hữu là ông Trần Văn Truyền.

Thu giữ: 01 máy cưa xích cầm tay nhãn hiệu STILH MS381; 03 đèn pin đội đầu nhãn hiệu ML60; 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu Điện quang; 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu G8; 01 con dao dài 42cm hiện chưa xử lý.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: các bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho bị hại số tiền 12.300.000 đồng theo thoả thuận, bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKSBT ngày 16 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Qu, Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Trần Hoàng N, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên Qu định truy tố đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Qu từ 12- 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 -30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H, Trần Hoàng N, Nguyễn Ngọc Th mỗi bị cáo từ 09 - 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 - 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc S, mỗi bị cáo từ 07 - 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 - 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: không xem xét.

Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu sung vào công quỹ nhà nước: 01 máy cưa xích cầm tay nhãn hiệu STILH MS381; 03 đèn pin đội đầu nhãn hiệu ML60; 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu Điện quang; 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu G8; 01 con dao dài 42cm.

Đề nghị tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, Qu định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi,

Qu định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Qu định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, xét thấy sự vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Qu, Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Trần Hoàng N, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc Th đều thống nhất khai nhận: vào ngày 29/8/2023 tại vườn keo lô H1, khoảnh 6, tiểu khu 238 thuộc xã X, huyện B của chị Nguyễn Thị Tuyết Anh các bị cáo đã lén lút cửa trộm 12,3 tấn keo bán cho bà Nguyễn Thị L được số tiền 11.070.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự là 12.300.000 đồng. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Qu, Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Trần Hoàng N, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc Th phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này có bảy bị cáo tham gia, tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò, nhiệm vụ hoặc câu kết chặt chẽ trước khi phạm tội mà việc phạm tội chỉ được thực hiện khi có người đề xướng thì các bị cáo đồng thuận thực hiện nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có tổ chức.

Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây tâm lý lo lắng của người dân trên địa bàn.

Bị cáo Nguyễn Văn Qu là người khởi xướng việc đi trộm cắp tài sản và bị cáo cũng là người chuẩn bị công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên bị cáo pH chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Th biết việc Qu rủ đi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng không can ngăn, bị cáo là người thực hành nên pH chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo Qu.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C, Trần Hoàng N, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Quang H tham gia vào việc trộm cắp tài sản một cách tích cực, bị cáo H và Nam còn dùng xe để chở tài sản trộm cắp được đem đi bán nên các bị cáo cũng pH chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Xét thấy, các bị cáo đã có gia đình nhưng không chịu khó làm ăn chân chính để tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình, do coi thường pháp luật, thích

hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên cần pH xử lý thật nghiêm để răn đe phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có Th độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, có đủ điều kiện được rèn luyện, cải tạo tại địa phương nên áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo, giao chính quyền địa phương phối hợp cùng gia đình theo dõi, giám sát cũng đủ tính răn đe, giáo dục.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra các bị cáo đã thoả thuận bồi thường cho bị hại số tiền 12.300.000 đồng, bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường. Cho đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm, không có ai yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: 01 máy cưa xích cầm tay nhãn hiệu STILH MS381; 03 đèn pin đội đầu nhãn hiệu ML60; 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu Điện quang; 01 đèn pin đội đầu nhãn hiệu G8; 01 con dao dài 42cm. Xét thấy đây là công cụ mà các bị cáo dùng để phạm tội, áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào công quỹ nhà nước

Liên quan trong vụ án, bà Nguyễn Thị L là người đã mua 12,3 tấn keo do bị cáo Nguyễn Quang H và Trần Hoàng N chở đến bán nhưng bà Lan không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý.

Đối với ông Trần Văn Tr là chủ sở hữu xe ô tô BKS 73C-117.90 và ông Lê Văn Thanh là chủ sở hữu xe ô tô 73C-126.99 nhưng không biết các bị cáo Nguyễn Quang H và Trần Hoàng N sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên không xử lý.

Đối với ông Nguyễn Ngọc L là người cho bị cáo Nguyễn Văn Qu mượn xe mô tô Sirius, BKS 73P2-0661; ông Hồ Minh H là người cho bị cáo Nguyễn Văn H mượn xe mô tô Sunfat, BKS 33N6-6801; ông Nguyễn Thứ là người cho bị cáo Nguyễn Ngọc S mượn xe mô tô Supersiva, BKS 73K3-4151 nhưng không biết bị cáo Qu, H và S sử dụng làm phương tiện để trộm cắp tài sản nên không xử lý.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Qu, Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Trần Hoàng N, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc Th pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QU ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị Qu số 326/2016/UBTVQH14 của Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Qu, Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Trần Hoàng N, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Qu** 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/5/2024).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang H, Trần Hoàng N, Nguyễn Ngọc Th** mỗi bị cáo 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/5/2024).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc S**, mỗi bị cáo 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/5/2024).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Qu, Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Trần Hoàng N, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc Th cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Qu phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Qu định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước: 05 đèn pin, 01 con dao, 01 máy cưa xích cầm tay.

Vật chứng trên có đặc điểm như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Qu, Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Trần Hoàng N, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc Th mỗi bị cáo pH nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

(ngày 31/5/2024) đối với người có mặt và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Qu;
- CA huyện B;
- VKSND huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Qu;
- UBND xã X;
- THADS huyện B;
- Bị cáo, người TGT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị LPhương

